

QUY ĐỊNH

về đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp;
người đứng đầu các ban, sở, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh với Nhân dân

- Căn cứ Điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị khóa XI ban hành Quy định về việc “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền”;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025;
- Căn cứ Quyết định số 1557-QĐ/TU, ngày 07/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị tỉnh Điện Biên;

Xét đề nghị của Ban Dân vận Tỉnh ủy,

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định về đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp; người đứng đầu các ban, sở, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh với Nhân dân, như sau:

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về trách nhiệm, đối tượng áp dụng, mục đích, nguyên tắc, nội dung, hình thức và phương pháp thực hiện đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp; người đứng đầu các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh với Nhân dân về những vấn đề liên quan đến việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; quy định trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp; người đứng đầu các ban, sở, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh trong việc tổ chức đối thoại với Nhân dân.

2. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp thực hiện tiếp xúc, đối thoại theo Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị "về trách nhiệm

của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với Nhân dân và xử lý những phản ánh kiến nghị của dân"; theo Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Tiếp công dân không thuộc phạm vi điều chỉnh theo Quy định này.

3. Chủ tịch Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện tiếp xúc cử tri, tiếp công dân theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019 không thuộc phạm vi điều chỉnh theo Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người chủ trì đối thoại

a) Người đứng đầu cấp ủy đảng phải đối thoại với Nhân dân theo Quy định này gồm: Bí thư Tỉnh ủy; bí thư huyện ủy, thị ủy, thành ủy; bí thư đảng ủy xã, phường, thị trấn (*trường hợp đặc biệt bí thư các cấp ủy đảng không thực hiện đối thoại được thì phân công phó bí thư, ủy viên ban thường vụ, trưởng các ban, sở ngành, đoàn thể trực tiếp tiếp dân tạo điều kiện cho người dân được gặp lãnh đạo để phản ánh, kiến nghị*).

b) Người đứng đầu chính quyền các cấp phải đối thoại với Nhân dân theo Quy định này gồm: Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố; chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (*trường hợp đặc biệt Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân không thực hiện đối thoại được thì phân công Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, trưởng các ban, sở, ngành, đoàn thể trực tiếp tiếp dân tạo điều kiện cho người dân được gặp lãnh đạo để phản ánh, kiến nghị*).

c) Người đứng đầu các ban, sở, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh phải đối thoại với Nhân dân theo Quy định này gồm: Trưởng các ban, sở, ngành, đoàn thể tỉnh.

2. Người tham gia đối thoại: Là công dân Việt Nam sinh sống, học tập, làm việc, lao động sản xuất, đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Điện Biên, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; trường hợp tổ chức/tập thể nêu kiến nghị thì cử cá nhân là người đại diện theo quy định tham gia đối thoại (*gọi chung là Nhân dân*). Người được đối thoại phải có đủ năng lực hành vi dân sự.

Điều 3. Mục đích đối thoại

1. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp; người đứng đầu các ban, sở, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh gặp gỡ, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, những ý kiến của Nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; lắng nghe, tiếp thu và chỉ đạo giải quyết những kiến nghị hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.

2. Tuyên truyền, phổ biến, đưa chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến với Nhân dân, tạo sự đồng thuận, thống nhất giữa cấp ủy, chính quyền với Nhân dân trong quá trình tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân theo phương châm "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*", góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng, hoạt động quản lý, điều hành của các cấp chính quyền; củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân.

Điều 4. Nguyên tắc đối thoại

1. Đối thoại trực tiếp với Nhân dân phải tuyệt đối tuân thủ các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, điều lệ, quy chế của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, sự quản lý, điều hành của chính quyền theo quy định của Đảng, Hiến pháp và pháp luật. Phải tiến hành công khai, dân chủ, khách quan, thông tin chính xác và đúng nội dung, quy trình; thực hiện đúng quy định về việc giữ gìn bí mật Nhà nước theo quy định.

2. Việc tổ chức đối thoại nhằm giải quyết kịp thời, dứt điểm các vấn đề phức tạp, bức xúc, tồn đọng kéo dài; thể hiện trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp; người đứng đầu các ban, sở, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

3. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp nào thì thực hiện đối thoại với Nhân dân trong địa phương cấp đó.

4. Thực hiện đối thoại trên nguyên tắc các bên tôn trọng lẫn nhau. Nghiêm cấm việc lợi dụng đối thoại trực tiếp để làm trái các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước hoặc đưa ra những thông tin không có căn cứ làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của tổ chức, cá nhân.

5. Việc tổ chức hội nghị đối thoại phải đảm bảo tính dân chủ, công khai, minh bạch; làm rõ nội dung đối thoại, kiến nghị của người đối thoại và hướng giải quyết trong tổ chức đối thoại thực hiện theo quy định của luật pháp.

6. Người chủ trì có quyền từ chối đối thoại với người không đủ năng lực hành vi dân sự, người đang trong tình trạng sử dụng rượu, bia và các loại chất kích thích khác, người vi phạm nội quy, quy chế đối thoại.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Nội dung đối thoại

1. Nội dung đối thoại định kỳ

a) Thông báo khái quát về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; công tác tư pháp; công tác xây dựng Đảng, chính quyền và những vấn đề của địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị được Nhân dân quan tâm.

b) Nghe ý kiến phản ánh, góp ý của Nhân dân về các chủ trương, chính sách đã ban hành hoặc sẽ ban hành, nhất là về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của Nhân dân; về sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, sự quản lý, điều hành của các cấp chính quyền, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; về mối quan hệ giữa cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên với Nhân dân, giữa các đoàn thể với nhân dân, đoàn viên, hội viên; về đạo đức, lối sống, thái độ, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong quá trình thực thi công vụ; về những vấn đề mà Nhân dân bức xúc, quan tâm.

c) Tiếp thu các ý kiến góp ý, kiến nghị chính đáng, hợp pháp của Nhân dân. Trực tiếp chỉ đạo giải quyết vướng mắc, kiến nghị của Nhân dân những nội dung thuộc thẩm quyền; thông báo kết luận những nội dung đã được trả lời, giải quyết tại hội nghị để Nhân dân được biết và giám sát kết quả tiếp thu, chỉ đạo giải quyết.

2. Nội dung đối thoại theo chuyên đề

a) Đối thoại về những chủ trương, chính sách, việc triển khai các dự án, công trình trọng điểm, nhiệm vụ chính trị quan trọng của địa phương, đơn vị; thông báo cho Nhân dân rõ chủ trương, mục đích, ý nghĩa, chính sách, quyền lợi và trách nhiệm của Nhân dân để Nhân dân biết, đồng thuận, ủng hộ, thực hiện.

b) Đối thoại với từng giới, tầng lớp, đoàn viên, hội viên của tổ chức chính trị - xã hội (*doanh nhân; công nhân, viên chức, người lao động; nông dân; thanh niên; phụ nữ; cựu chiến binh...*) để lắng nghe góp ý của Nhân dân về việc thực hiện chế độ, chính sách đối với các giới, tầng lớp; các kiến nghị, đề xuất của từng giới, tầng lớp và chỉ đạo giải quyết.

3. Nội dung đối thoại đột xuất

a) Vụ việc bức xúc, phức tạp, kéo dài có nhiều người tham gia, liên quan đến trách nhiệm của nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc ý kiến tham gia giải quyết của các cơ quan, tổ chức còn khác nhau.

b) Vụ việc có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

c) Vụ việc đột xuất, bất ngờ, gây bức xúc trong Nhân dân cần được giải quyết ngay.

Điều 6. Hình thức, chế độ tổ chức đối thoại

1. Hình thức: Đối thoại trực tiếp; trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

2. Chế độ tổ chức đối thoại

a) Đối thoại định kỳ: Ít nhất 01 lần/năm (01 buổi/lần).

b) Đối thoại chuyên đề hoặc đột xuất: Khi có những vấn đề phát sinh cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết.

Điều 7. Cơ quan chủ trì tham mưu tổ chức đối thoại

1. Trường hợp người đối thoại là đồng chí Bí thư Tỉnh ủy: Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu chuẩn bị nội dung, chương trình đối thoại.

2. Trường hợp người đối thoại là đồng chí Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu chuẩn bị nội dung, chương trình đối thoại.

3. Trường hợp người đối thoại là người đứng đầu các ban, sở, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh: Do người đứng đầu phân công phòng, ban liên quan chuẩn bị nội dung, chương trình đối thoại.

4. Trường hợp người đối thoại là đồng chí bí thư huyện ủy, thị ủy, thành ủy: Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy chủ trì phối hợp với các phòng, ban, đơn vị có liên quan tham mưu chuẩn bị nội dung, chương trình đối thoại.

5. Trường hợp người đối thoại là đồng chí Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện chủ trì phối hợp với phòng, ban, đơn vị có liên quan tham mưu chuẩn bị nội dung, chương trình đối thoại.

6. Trường hợp người chủ trì đối thoại là bí thư đảng ủy, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: Do người đứng đầu cấp ủy, chính quyền xã, phường, thị trấn phân công một bộ phận chủ trì chuẩn bị nội dung, chương trình đối thoại.

Điều 8. Trình tự đối thoại

1. Tập hợp ý kiến góp ý của các tổ chức, cá nhân chuyển đến các cơ quan tham mưu trước khi tổ chức đối thoại. Đại diện cơ quan chủ trì tham mưu tổ chức đối thoại được quy định tại Điều 7 của Quy định này giới thiệu đại biểu, thành phần tham dự, nội dung chương trình, nội quy của hội nghị đối thoại; giới thiệu chủ trì và cử thư ký ghi biên bản, phân công bộ phận tổng hợp những ý kiến phát biểu, đăng ký nội dung phát biểu của người tham dự hội nghị đối thoại.

2. Người chủ trì hội nghị đối thoại thông báo cho Nhân dân biết về những nội dung theo quy định tại Điều 5 của Quy định này; nêu rõ mục đích, yêu cầu, nội dung chủ yếu của hội nghị.

3. Đại diện cơ quan, đơn vị được người chủ trì hội nghị đối thoại phân công trình bày báo cáo trả lời các ý kiến, kiến nghị của Nhân dân đã được thu thập, tổng hợp trước hội nghị (nếu có).

4. Nhân dân phát biểu ý kiến.

5. Người chủ trì hội nghị đối thoại có thể trực tiếp trả lời các ý kiến, kiến nghị của Nhân dân hoặc yêu cầu lãnh đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo, giải trình về những nội dung thuộc thẩm quyền giải quyết.

6. Sau khi nghe người chủ trì hoặc đại diện các cơ quan, đơn vị trả lời về những nội dung tại hội nghị, nhân dân có thể tiếp tục trao đổi, phát biểu ý kiến.

7. Người chủ trì kết luận: Tiếp thu những ý kiến, kiến nghị hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; chỉ đạo xử lý, giải quyết ngay hoặc giao cho các cơ quan chức năng nghiên cứu, đề xuất phương án và thời hạn giải quyết các kiến nghị; chỉ đạo ban hành Thông báo kết luận hội nghị.

Điều 9. Quyền và trách nhiệm của người chủ trì hội nghị đối thoại

1. Điều hành hội nghị đối thoại; giải thích và chỉ đạo giải quyết cụ thể, rõ ràng, đầy đủ các yêu cầu, kiến nghị hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.

2. Quyết định về hình thức tổ chức đối thoại theo Điều 6 của Quy chế này.

3. Ban hành thông báo kết luận sau hội nghị đối thoại.

Điều 10. Quyền và trách nhiệm của người tham gia đối thoại

1. Được trực tiếp trao đổi ý kiến; được hướng dẫn, giải thích và trả lời về những nội dung liên quan đến ý kiến, kiến nghị của mình.

2. Chấp hành đầy đủ nội quy của hội nghị đối thoại. Tôn trọng và lắng nghe ý kiến của người chủ trì đối thoại.

3. Ý kiến, kiến nghị bảo đảm chính xác, rõ ràng, cụ thể; chịu trách nhiệm về các nội dung thông tin mà mình cung cấp tại hội nghị.

Điều 11. Xử lý công việc sau khi kết thúc hội nghị đối thoại

1. Chậm nhất là 10 ngày làm việc sau hội nghị đối thoại, cơ quan chủ trì tham mưu tổ chức đối thoại tham mưu ban hành và gửi thông báo kết luận của người chủ trì hội nghị đối thoại đến các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý, giải quyết. Đồng thời gửi thông báo đến tập thể, cá nhân nêu kiến nghị để biết; gửi Ban Dân vận (khối dân vận), Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp để theo dõi, giám sát thực hiện và báo cáo cấp ủy, chính quyền cấp trên.

Nếu nội dung kiến nghị vượt quá thẩm quyền của người chủ trì đối thoại hoặc có những nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức, cần có thêm thời gian nghiên cứu xem xét, giải quyết thì thời hạn gửi thông báo kết luận có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày làm việc sau hội nghị đối thoại.

2. Chậm nhất là 7 ngày làm việc sau khi có thông báo kết luận của người chủ trì hội nghị đối thoại, các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết có văn bản

báo cáo người chủ trì hội nghị đối thoại và thông báo bằng văn bản cho người nêu kiến nghị tại hội nghị đối thoại về kết quả tiếp nhận và chỉ đạo giải quyết.

3. Hoàn thiện, lưu hồ sơ, thực hiện những nội dung kết luận của người chủ trì liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của mình (theo khoản 2, Điều 15 của Quy chế này).

Điều 12. Kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm

Cấp ủy, chính quyền các cấp; các ban, sở, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh hằng năm đưa nội dung kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này vào chương trình kiểm tra, giám sát. Tổ chức đảng, đảng viên vi phạm Quy định thì bị xem xét xử lý kỷ luật theo Điều 14, Quy định số 69-QĐ/TW, ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm và các quy định hiện hành của Đảng.

Điều 13. Khen thưởng

Kết quả thực hiện đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp; người đứng đầu các ban, sở, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh với Nhân dân là một tiêu chí đánh giá xếp loại tập thể, cá nhân hằng năm theo Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, quản lý do Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp; các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh

1. Cấp ủy, chính quyền các cấp; các ban, sở, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh có trách nhiệm đưa nhiệm vụ tổ chức đối thoại với Nhân dân của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cùng cấp; người đứng đầu các ban, sở, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh vào nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác hằng năm và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện theo đúng Quy định này.

2. Giao cơ quan chủ trì tham mưu tổ chức đối thoại các cấp (*được quy định tại Điều 7 của Quy định này*) chủ trì theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận hội nghị đối thoại.

3. Giao Ban Dân vận (*Khối dân vận*) cùng cấp thẩm định chương trình giám sát, phản biện xã hội hằng năm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội. Trong đó có nội dung giám sát việc thực hiện các thông báo kết luận của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp với Nhân dân. Chủ trì tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định tại Điều 15 của Quy định này.

Điều 15. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp

1. Phối hợp với cơ quan chủ trì tham mưu tổ chức đối thoại tổng hợp ý kiến, kiến nghị của Nhân dân; dự báo những tình huống có thể xảy ra để báo cáo với cấp ủy, chính quyền trước khi tổ chức hội nghị đối thoại.

2. Phối hợp tham mưu tổ chức hội nghị đối thoại; thực hiện những nội dung kết luận của người chủ trì liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của mình.

3. Đưa nội dung giám sát trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan trong việc thực hiện thông báo kết luận của hội nghị đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cùng cấp với Nhân dân vào chương trình, kế hoạch giám sát hằng năm.

Điều 16. Chế độ báo cáo và hồ sơ hội nghị đối thoại

1. Chế độ báo cáo

a) Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp và báo cáo số liệu, kết quả đối thoại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh 06 tháng trước ngày 30/6; hằng năm trước ngày 15/12 về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Ban Dân vận Tỉnh ủy*).

b) Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy chỉ đạo tổng hợp và báo cáo số liệu, kết quả đối thoại của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn 06 tháng trước ngày 30/6; hằng năm trước ngày 15/12 về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Ban Dân vận Tỉnh ủy*).

c) Các ban, sở, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh: sau mỗi Hội nghị đối thoại báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy đồng thời qua Ban Dân vận Tỉnh ủy để theo dõi, tổng hợp; báo cáo định kỳ hằng năm (trước 15/12) về Văn phòng Tỉnh ủy và Ban Dân vận Tỉnh ủy theo quy định; báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cấp trên.

d) Giao Ban Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Quy định này; tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả đối thoại hằng năm trước ngày 20/12.

2. Hồ sơ hội nghị đối thoại gồm: Kế hoạch tổ chức hội nghị; các văn bản phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị; phiếu lấy ý kiến; báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị và báo cáo trả lời ý kiến, kiến nghị; giấy mời; biên bản hội nghị; kết luận của người chủ trì; các văn bản kiến nghị cấp trên (*nếu có*) và được lưu tại cơ quan chủ trì tham mưu tổ chức đối thoại.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quy định này được phổ biến đến chi bộ và các tầng lớp nhân dân.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương,
 - Văn phòng Trung ương,
 - Ban Dân vận Trung ương,
- } (để báo cáo)
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
 - Các ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
 - Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
 - Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
 - Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, TH (ĐTHTY).

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Trần Quốc Cường